**Ngày dạy:** **Từ ngày 14/12 🡪 19/12/2020**

***Tuần: 15***

***Tiết: 29***

**BÀI 27: THIÊN NHIÊN CHÂU PHI (tiếp theo)**

***I. Mục tiêu:***

- Về kiến thức:

+ Biết đặc điểm vàsự phân bố các môi trường tự nhiên ở châu Phi.

+ Hiểu rõ mối quan hệ qua lại giữa vị trí địa lí với khí hậu, giữa khí hậu với sự phân bố các môi trường tự nhiên ở châu Phi.

- Về kĩ năng:

+ Sử dụng bản đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên của châu Phi.

+ Phân tích một số biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở châu Phi.

- Về thái độ:

Thấy được những khó khăn về tự nhiên mà người dân ở châu Phi phải chịu. Cần có ý thức chung tay vì cộng đồng giúp đỡ con người ở đây.

***II. Chuẩn bị của GV và HS:***

- GV:

+ Bản đồ tự nhiên châu Phi.

+ Lược đồ phân bố lượng mưa châu Phi.

+ Lược đồ các môi trường tự nhiên châu Phi.

+ Các tranh ảnh về xavan và hoang mạc ở châu Phi.

- HS: Sgk, vở ghi.

***III. Phương pháp:***

Đàm thoại, trực quan.

***IV. Tiến trình giờ dạy-Giáo dục***

**1. Ổn định lớp: (1p)**

**2. Kiểm tra bài cũ: (4p**)

Nêu đặc điểm vị trí địa lí và địa hình châu Phi ? Đặc điểm đó có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu châu Phi ?

**3. Giảng bài mới:** lời dẫn vào bài(1p).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu khí hậu (20p)** | | |
| - Gv cho Hs quan sát H 26.1/ tr.83 và H 27.1/ tr.85 SGK, chia nhóm thảo luận (3 phút)  - Yêu cầu HS nghiên cứu Sgk kết hợp hiểu biết bản thân, hãy cho biết đặc điểm khí hậu của châu Phi ?  \*N1: Giải thích vì sao châu Phi là châu lục nóng ? (So sánh phần đất liền giữa 2 chí tuyến của châu Phi và phần còn lại)  \*N2: Giải thích vì sao khí hậu châu Phi khô ? (Quan sát hình dạng lãnh thổ, đường bờ biển và kích thước châu Phi). Giải thích vì sao ở châu Phi lại hình thành những hoang mạc lớn ? (Quan sát vị trí các đường chí tuyến, vị trí lục địa Á-Âu so với châu Phi)  \*N3: Rút ra nhận xét về sự phân bố lượng mưa ở châu Phi? Xác định nguyên nhân phân bố lượng mưa không đều ở châu Phi?  \*N4: Đọc tên các dòng biển nóng, lạnh chảy ven bờ châu Phi và chứng minh chúng có ảnh hưởng tới lớn tới lượng mưa của các vùng ven biển châu Phi ?  - Gv nhận xét, bổ sung và chuẩn xác kiến thức | - học sinh quan sát.  - các nhóm thảo luận.  - Hs trả lời.  - đại diện các nhóm trả lời và góp ý bổ sung cho nhau. | **3. Khí hậu:**  - Do phần lớn lãnh thổ nằm giữa hai chí tuyến, ít chịu ảnh hưởng của biển nên châu Phi có khí hậu nóng, khô vào bậc nhất Thế Giới.  - Hoang mạc chiếm diện tích lớn ở châu Phi. |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu các đặc điểm khác của môi trường (15p)** | | |
| - Gv hướng dẫn Hs quan sát lược đồ các môi trường tự nhiên châu Phi H.27.2 sgk/ Tr.86  - Gv yêu cầu Hs:  + Đọc tên các kiểu môi trường ở châu Phi ? Xác định vị trí các kiểu môi trường đó trên lựợc đồ ?  + Nhận xét về sự phân bố các kiểu môi trường ở châu Phi ? Vì sao có sự phân bố như vậy ?  + Dựa vào H.27.1 và H.27.2 SGK, nêu mối quan hệ giữa lượng mưa và thảm thực vật ở châu Phi ?  - Gv: Môi trường tự nhiên nào là điển hình ở châu Phi ? Tại sao ?  - Gs nhận xét, nhấn mạnh nguyên nhân hình thành nên các hoang mạc lớn ở châu Phi. | - Hs kể tên các kiểu môi trường ở châu phi.  - Các môi trường tự nhiên ở châu phi nằm đối xứng qua xích đạo.  - thảm thực vật ở châu phi có liên quan chặt chẽ với lượng mưa. Mưa càng nhiều thì thực vật càng phát triển mạnh mẽ và ngược lại.  - môi trường hoang mạc.vì: hoang mạc chiếm  Diện tích lớn ở châu phi. | **4. Các đặc điểm khác của môi trường.**  - Do vị trí nằm cân xứng hai bên đường xích đạo nên các môi trường tự nhiên châu Phi nằm đối xứng qua xích đạo:  + Môi trường xích đạo ẩm.  + 2 Môi trường nhiệt đới.  + 2 Môi trường hoang mạc.  + 2 Môi trường địa trung hải. |

**4. Củng cố: (3p)**

- Nêu mối quan hệ giữa lượng mưa và lớp phủ thực vật ?

- Nêu những thuận lợi và khó khăn của các môi trường tự nhiên đối với phát triển kinh tế ở châu Phi ? ( - Thuận lợi: có tài nguyên rừng và khoáng sản phong phú…

- Khó khăn: Khí hậu khô và nóng, diện tích hoang mạc rộng lớn…)

**5. Hướng dẫn HS học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau: (1p).**

- Học bài cũ và trả lời các câu hỏi trong SGK/ Tr.87

- Chuẩn bị bài thực hành Bài 28 “ Phân tích lược đồ phân bố các môi trường tự nhiên, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở châu Phi ”

***V. Rút kinh nghiệm:***

- Kết hợp các phương tiện trực quan trong giảng dạy.

- Tùy vào đối tượng mà đưa ra nhưng yêu cầu khác nhau.

**Ngày dạy:** **Từ ngày 14/12 🡪 19/12/2020**

***Tuần: 15***

***Tiết: 30***

**BÀI 28:** **THỰC HÀNH**

**PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ CÁC MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở CHÂU PHI**

***I. Mục tiêu:***

- Về kiến thức:

+ Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm của thiên nhiên châu Phi.

+ Biết sự phân bố các môi trường tự nhiên châu Phi, giải thích được nguyên nhân của sự phân bố đó.

- Về kĩ năng:

+ Sử dụng bản đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên của châu Phi.

+ Phân tích một số biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở châu Phi.

- Về thái độ:

Giáo dục Hs tính tự giác học tập, học đi đôi với hành, tăng cường khả năng làm việc nhóm.

***II. Chuẩn bị của GV và HS:***

- GV:

+ Bản đồ các môi trường tự nhiên châu Phi.

+ Biểu đồ khí hậu của 4 địa điểm ở châu Phi.

- HS: Ôn lại bài cũ, SGK, vở ghi.

***III. Phương pháp:***

Đàm thoại, trực quan, thảo luận.

***IV. Tiến trình giờ dạy-Giáo dục***

**1. Ổn định lớp: (1p)**

**2. Kiểm tra bài cũ: (4p)**

- Trình bày đặc điểm khí hậu của châu Phi.

- Nêu đặc điểm của môi trường nhiệt đới và môi trường hoang mạc ở châu Phi.

**3. Giảng bài mới:**

Để rèn luyện kĩ năng phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa một địa điểm cũng như rút ra đặc điểm khí hậu của địa điểm đó và xác định vị trí của điểm đó trên lược đồ các môi trường tự nhiên châu Phi. (1p)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Trình bày và giải thích sự phân bố các môi trường tự nhiên(15)** | | |
| \* Hs làm việc cá nhân, nhóm/ phương pháp thảo luận nhóm nhỏ.  - Gv gọi Hs đọc nội dung yêu cầu của bài tập 1  - Gv yêu cầu và hướng dẫn Hs quan sát lược đồ các môi trường tự nhiên châu Phi (H. 27.2 sgk/ tr.86) và trả lời các câu hỏi sau:  +Châu Phi có các kiểu môi trường tự nhiên nào ? Môi trường nào có diện tích lớn nhất ?  - Gv nhận xét.  - Xác định vị trí các môi trường ở châu Phi trên lược đồ. Nhận xét về sự phân bố đó ? Giải thích tại sao ?  - Gv hướng dẫn HS dựa vào kiến thức đã học để giải thích về sự phân bố của các môi trường tự nhiên ở châu Phi.  - Hs trả lời.  - Gv nhận xét, kết luận.  - Vì sao các hoang mạc châu Phi lại lan ra sát biển ?  - Gv bổ sung và chuẩn xác kiến thức. | - Hs đọc bài.  - Hs quan sát lược đồ rồi trả lời.  - Hs: Sự phân bố các kiểu môi trường tự nhiên ở châu phi.  \* Môi trường xích đạo ẩm: gồm bồn địa Công-gô và một dải đất hẹp vịnh Ghi-nê.  \* 2 môi trường nhiệt đới nằm phía bắc và phía nam đường xích đạo.  \* 2 môi trường hoang mạc chí tuyến: hoang mạc Xa-ha-ra ở Bắc Phi, hoang mạc Ca-la-ha-ri ờ Nam Phi.  \* 2 Môi trường Địa trung hải: gồm dãy Át-lát, đồng bằng ven biển Bắc Phi, vùng cực nam châu Phi.  - Hs nghiên cứu trả lời. | **1. Trình bày và giải thích sự phân bố các môi trường tự nhiên**  - Châu Phi có 5 kiểu môi trường: xích đạo ẩm, cận nhiệt đới ẩm, nhiệt đới, hoang mạc và địa trung hải.  - Môi trường nhiệt đới và hoang mạc chiếm diện tích lớn nhất.  - Khí hậu châu Phi khô hình thành những hoang mạc lớn nhất thế giới. Và do đường bờ biển của châu Phi ít bị chia cắt, biển ít ăn sâu vào đất liền cùng với ảnh hưởng của các dòng biển lạnh chảy ven bờ làm cho các hoang mạc ở châu Phi lan ra sát biển. |
| **Hoạt động 2: Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa (35p)** | | |
| Hs làm việc theo nhóm/ phương pháp thảo luận nhóm.  - Gv yêu cầu Hs đọc nội dung bài tập 2.  - Gv tổ chức cho Hs thảo luận nhóm (5 phút), mỗi nhóm phân tích 1 biểu đồ khí hậu theo gợi ý trong SGK và trình bày kết quả vào bảng phụ.  - Gv treo bảng phụ làm thông tin phản hồi. | - Hs đọc bài.  + N 1: Phân tích biểu đồ A  + N 2: Phân tích biểu đồ B  + N 3: Phân tích biểu đồ C  + N 4: Phân tích biểu đồ D  - Đại diện các nhóm báo cáo, nhận xét, bổ sung. | **2. Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa** | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Biểu đồ khí hậu** | **Lượng mưa (mm/năm)** | **Nhiệt độ (0C)** | **Biên độ nhiệt trong năm (0C)** | **Đặc điểm khí hậu** | **Vị trí địa lí** | | **A** | - TB năm: 1244mm.  - Mùa mưa: T1→T3 năm sau. | - Tháng nóng nhất:  T3 và T11: 250C  - Tháng lạnh nhất:  T7 : 180C | 100C | - Kiểu khí hận nhiệt đới.  - nhiệt độ cao, mưa theo mùa. | - Bán cầu Nam  - Số 3: Lu-bum-ba-si | | **B** | - TB năm: 897mm  - Mùa mưa: T6 → T9 | - Tháng nóng nhất  T5: 350C  - Tháng lạnh nhất:  T1: 180C | 150C | - Kiểu khí hậu nhiệt đới.  - nhiệt độ cao, mưa theo mùa. | - Bán cầu Bắc  - Số 2: Ua-ga-đu-gu | | **C** | - TB năm: 2592mm  - Mùa mưa: T9 → T5 năm sau. | - Tháng nóng nhất  T4: 280C  - Tháng lạnh nhất  T7: 200C | 80C | - Kiểu khí hậu xích đạo ẩm.  - nóng ẩm, mưa nhiều. | - Bán cầu Nam  - Số 1: Li-brơ-vin | | **D** | - TB năm: 506mm  - Mùa mưa: T4 → T7 | - Tháng nóng nhất  T2: 220C  - Tháng lạnh nhất  T7: 100C | 120C | - Kiểu khí hậu địa trung hải. | - Bán cầu Nam  - Số 4: Kếp-tao | | | | |

**4. Củng cố: (3p)**

- Gv nhận xét kết quả thực hành của từng nhóm.

- Trao đổi nhóm: trao đổi trong nhóm và so sánh sự khác nhau về khí hậu nhiệt đới nửa cầu Nam và Nửa cầu Bắc (biểu đồ 2 và 4)

- Chọn ý trả lời đúng nhất: Hoang mạc Na-míp ăn sát biển chủ yếu là do :

A . Dòng biển lạnh Ben-ghê-la

B . Địa hình cao trên 200m

C . Ảnh hưởng của dãy núi Đrê-ken-béc

D . Bờ biển ít bị cắt xẻ.

**5. Hướng dẫn HS học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau: (1p)**

- Sưu tầm các hình ảnh về các hoang mạc ở châu Phi.

- Về ôn lại bài, trả lời trước bài tập 2.

***V. Rút kinh nghiệm:***

- Hướng dẫn học sinh sử dụng Tập bản đồ để làm bài thực hành.